

Lý thuyết tài chính- tiền tệ

Môn học và giảng viên

Nội dung và kết cấu môn học

Yêu cầu môn học

Thời lượng môn học

Cách học

Kiểm tra

Cách thức thi

Liên hệ: Khoa Kinh tế Ngoại thương/ Bộ môn Tài chính quốc tế

Email: fandzung@yahoo.com

Nhóm tài liệu tham khảo chung

Giáo trình lý thuyết tài chính- tiền tệ

Trường ĐHNT

Trường ĐH KTQD

Các văn bản pháp luật có liên quan

Sách báo liên quan

Một số website hữu ích:

www.mof.gov.vn

www.mot.gov.vn

www.vneconomy.com.vn



CHƯƠNG I: TIỀN TỆ

Dẫn đề

Tài liệu tham khảo

Kết cấu chương

Lý luận chung về tiền tệ

Các chế độ tiền tệ

Cung cầu tiền tệ

Lạm phát

Chính sách tiền tệ

Hệ thống tiền tệ quốc tế



I. Khái niệm tiền tệ

1. Định nghĩa tiền tệ detail

2. Đặc trưng của tiền tệ detail

II. Chức năng của tiền tệ

1. Phương tiện trao đổi detail
2. Thước đo giá trị detail
3. Phương tiện cất trữ detail
4. Phương tiện thanh toán detail



III. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ

1. Sự ra đời của tiền tệ detail

2. Sự phát triển của tiền tệ detail



IV. Các chế độ tiền tệ

1. Chế độ hai bản vị detail

2. Chế độ bản vị vàng detail

3. Chế độ lưu thông tiền giấy detail



V. Cung cầu tiền tệ

1. Khối tiền tệ detail

2. Cung tiền tệ detail

3. Cầu tiền tệ detail



VI. Lạm phát

1. Khái niệm lạm phát detail
2. Đo lường lạm phát detail
3. Nguyên nhân lạm phát detail
4. Các ảnh hưởng của lạm phát detail
5. Các vấn đề khác liên quan tới lạm phát detail

VII. Chính sách tiền tệ

1. Chính sách hoạt động công khai detail
2. Chính sách tái chiết khấu detail
3. Chính sách dự trữ bắt buộc detail
4. Chính sách ngoại hối detail
5. Chính sách tỷ giá hối đoái detail

VIII. Hệ thống tiền tệ quốc tế

1. Chế độ hối đoái

1. Hệ thống tiền tệ Bretton Woods

1. Xu hướng hình thành các khu vực liên minh tiền tệ (OCAs)



Hết chương I

Các thuật ngữ cần chú ý

Tiền tệ

Sức mua tiền tệ

Chức năng tiền tệ

Hoá tệ

Dấu hiệu giá trị

Khối tiền tệ

Cung tiền tệ

Cầu tiền tệ

Chế độ bản vị tiền tệ

Lạm phát

Nguyên nhân lạm phát

Chính sách tiền tệ

Chế độ tiền tệ quốc tế



1. Định nghĩa tiền tệ

Tiền tệ là *bất cứ thứ gì* được chấp nhận *chung để* đổi lấy hàng hoá, dịch vụ hoặc để thanh toán các khoản nợ



2. Đặc trưng tiền tệ

Tiền tệ phụ thuộc vào nhu cầu trao đổi

Sức mạnh của tiền phụ thuộc vào sức mua của nó

Sức mua của tiền được đo lường thông qua khả năng mua được nhiều hay ít hàng hoá.



1. Phương tiện trao đổi

Tiền được sử dụng như là một trung gian trong trao đổi mua bán hàng hoá.

Nhờ có tiền nên xã hội sẽ giảm được các chi phí giao dịch vì cần phải tìm được sự trùng hợp kép về nhu cầu



2. Thước đo giá trị

Tiền thực hiện việc **biểu thị** cho một lượng giá trị mà hàng hoá chứa trong nó thông qua việc quy đổi giá trị đó ra lượng tiền.

Nhờ có tiền nên việc **so sánh giá trị** giữa các hàng hoá trở nên đơn giản hơn.



3. Phương tiện cất trữ

Tiền được sử dụng như công cụ để cất trữ của cải.

Tiền là phương tiện cất trữ được ưa chuộng hơn so với các phương tiện khác vì tính lỏng của tiền là cao nhất

Tiền chỉ có thể thực hiện được chức năng cất trữ khi nó còn được xã hội thừa nhận

4. Phương tiện thanh toán

Tiền được sử dụng làm một công cụ để thanh toán các khoản nợ.

Khi thực hiện chức năng này, tiền đã tham gia một cách hiện hữu vào giao dịch chứ không chỉ là trung gian trong giao dịch nữa.



1. Sự ra đời của tiền tệ

Tiền ra đời do nhu cầu trao đổi của con người, sự ra đời của tiền được đánh dấu bởi sự phát triển của một loạt các hình thái giá trị.

Khi mới ra đời, thực chất đồng tiền là một loại hàng hoá được quy ước làm vật ngang giá chung một cách rộng rãi.



2. Sự phát triển của tiền tệ

Hoá tệ detail

Tiền là dấu hiệu giá trị detail

Tiền giấy detail



a. Hoá tệ

Hoá tệ thực chất chính là một loại hàng hoá đồng thời thực hiện vai trò của đồng tiền

Hoá tệ gồm có hoá tệ phi kim và hoá tệ kim loại

Loại hoá tệ phổ biến nhất chính là Vàng.



b. Dấu hiệu giá trị

Đồng tiền khi không hàm chứa trong nó đầy đủ giá trị mà nó đại biểu thì lúc đó chỉ còn mang tính chất là một dấu hiệu của giá trị mà thôi.

Loại tiền này có giá trị sử dụng lớn hơn giá trị.

Nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng các dấu hiệu giá trị có cả chủ quan lẫn khách quan.

Có nhiều loại tiền có tính chất này.



c. Tiền giấy

Là loại tiền pháp định do Nhà nước ban hành và bắt buộc sử dụng.

Là loại tiền được sử dụng phổ biến nhất hiện nay.

Tiền giấy gần như không chứa giá trị bên trong, và cũng chỉ là một dấu hiệu giá trị.

1. Chế độ hai bản vị

Trong chế độ hai bản vị, hai kim loại vàng và bạc đồng thời được sử dụng để đúc tiền

a. Chế độ bản vị song song

Chế độ này cho phép vàng và bạc quy đổi với nhau theo tỷ lệ giá trị thực sự của hai kim loại

b. Chế độ bản vị kép

Chế độ này quy định một tỷ lệ trao đổi cố định giữa hai đồng tiền kim loại




2. Chế độ bản vị vàng

Trong chế độ bản vị vàng, chỉ còn vàng là kim loại duy nhất được sử dụng để trở thành tiền tệ.

a. Chế độ bản vị tiền vàng detail

b. Chế độ bản vị vàng thỏi và bản vị hối đoái vàng detail



a. Chế độ bản vị tiền vàng

Vàng được tự do đúc thành tiền và đưa vào lưu thông.

Vàng được tự do xuất nhập khẩu

Các loại tiền khác được tự do đổi ra vàng

b. Chế độ bản vị vàng thối và hối đoái vàng

Được áp dụng vào cùng một thời điểm

Vàng không còn được đưa vào lưu thông nữa mà được đúc thành thối và cất trữ

Các loại tiền phải quy định hàm lượng vàng và không được tự do đổi ra vàng.

3. Chế độ lưu thông tiền giấy

Tiền giấy thay thế cho vàng làm phương tiện lưu thông

Sở dĩ tiền giấy được thừa nhận là vì nó được Nhà nước công nhận, đảm bảo và bắt buộc phải tuân thủ

Nói cách khác, tiền giấy ra đời và lưu hành được là nhờ có *lòng tin* của người sử dụng.

1. Khối tiền tệ

Khối tiền tệ được sử dụng để tính toán lượng tiền trong lưu thông khi **tính lỏng** thay đổi

Có các khối tiền tệ cơ bản sau đây:

$M^1 = \text{Tiền mặt} + \text{Tiền gửi không kỳ hạn (*)}$

$M^2 = M^1 + \text{Tiền gửi tiết kiệm} + \text{Tiền gửi có kỳ hạn}$

$M^3 = M^2 + \text{Tiền gửi tại tổ chức phi ngân hàng}$

$L = M^3 + \text{Tín phiếu kho bạc} + \text{Trái phiếu kho bạc} + \text{Chấp phiếu ngân hàng} + \text{Thương phiếu}$

2. Cung tiền tệ

Tiền giấy: Là lượng tiền được NHTW cung ứng ra thị trường, còn gọi là **lượng tiền cơ sở - MB**

$$MB = C + R$$

Tiền tín dụng: Là lượng tiền do hệ thống các NHTM tạo ra theo **cơ chế nhân tiền**

Lưu ý rằng $MS = M = C + DD$

Như vậy: $MS = MB \times m$ detail

Số nhân tiền tệ - m

Từ các đẳng thức đã có, số nhân tiền tệ m được tính

$$\mathbf{m} = \frac{\mathbf{MS}}{\mathbf{MB}} = \frac{\mathbf{C + DD}}{\mathbf{C + R}}$$

$$\mathbf{m} = \frac{\mathbf{C / DD} + 1}{\mathbf{C / DD} + \mathbf{R / DD}} = \frac{\mathbf{c + 1}}{\mathbf{c + r}} = \frac{\mathbf{c + 1}}{\mathbf{c + r_b + r_e}}$$



3. Cầu tiền tệ

- a. Quan điểm của Marx về cầu tiền detail
- b. Quan điểm của Fisher detail
- c. Quan điểm của phái Cambridge detail
- d. Quan điểm của Keynes detail
- e. Quan điểm hậu Keynes và của Friedman detail



a. Quan điểm của Marx

Được thể hiện trong phương trình xác định lượng tiền tệ cần thiết cho lưu thông

$$M.V = P.Q$$

Còn được thể hiện dưới dạng

$$M.V = P.Y$$

b. Quan điểm của I. Fisher

Được thể hiện trong “*Học thuyết số lượng tiền tệ*”

Theo Fisher, V là bất biến, vì vậy $k (=1/V)$ là hằng số

Từ đẳng thức $M = k.P.Y$, khi thị trường tiền tệ là cân bằng, M sẽ chính là lượng tiền mà người dân mong muốn có M .

Từ đó có thể rút ra kết luận cầu tiền phụ thuộc thuần túy vào thu nhập.

c. Quan điểm của trường phái Cambridge

Cũng xây dựng đẳng thức như Fisher $M = k.P.Y$

Điểm khác biệt ở đây là trường phái Cambridge cho rằng trong **thời hạn ngắn** k có thể biến động mặc dù nhìn chung k là hằng số.

Sự biến động này có thể xuất phát từ việc lợi tức dự tính của việc nắm giữ tài sản khác ngoài tiền thay đổi (tức là có sự thay đổi trong **lãi suất**)

d. Quan điểm của J.M.Keynes

Phát triển quan điểm của phái Cambridge, thể hiện trong “Lý thuyết ưa thích tiền mặt”.

Theo Keynes, có ba động cơ quyết định việc giữ tiền

Động cơ giao dịch

Động cơ dự phòng

Động cơ đầu cơ

Theo Keynes, tốc độ không phải là một đại lượng bất biến mà nó phụ thuộc vào lãi suất.

$$\frac{M^d}{P} = f(i, Y)$$

- +

e. Quan điểm hậu Keynes và của M. Friedman

Đã có nhiều học giả phát triển quan điểm của Keynes

Quan điểm của M.Friedman được thể hiện trong “Học thuyết số lượng tiền tệ hiện đại”

Friedman đã xây dựng một hàm số của cầu tiền

$$\frac{M^d}{P} = f(Y_p, r_b - r_m, r_e - r_m, \pi^e - r_m)$$

+ - - -



1. Khái niệm lạm phát

Lạm phát là hiện tượng tiền giấy mất giá kéo dài và liên tục so với hàng hoá, vàng và ngoại tệ

2. Đo lường lạm phát

a. Tính toán lạm phát detail

Lạm phát được tính toán thông qua sự biến động của chỉ số giá tiêu dùng - **CPI**

Lạm phát còn có thể được tính toán thông qua chỉ số giá **PPI**, nhưng cách tính toán này không phổ biến

b. Các loại lạm phát detail

Tính toán lạm phát

Chỉ số CPI của năm thứ k được tính như sau:

$$I_p^k = \sum_{j=1}^n i_{pj} \times d_j$$

Lạm phát năm thứ k được tính như sau

$$G_p^k = \left(\frac{I_p^k}{I_p^{k-1}} - 1 \right) \times 100\%$$



Các loại lạm phát

Thiểu phát

Lạm phát thông thường

Lạm phát phi mã

Siêu lạm phát



3. Nguyên nhân lạm phát

a. Sự gia tăng chi phí sản xuất detail

b. Sự mất cân đối trong quan hệ cung cầu detail

c. Sự khủng hoảng cơ cấu kinh tế xã hội detail

Lạm phát do chi phí đẩy

Xuất hiện khi có một cú sốc từ phía cung

Khi đó đường tổng cung sẽ bị dịch chuyển vào trong, gây nên sự suy giảm trong tổng sản phẩm và sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp.

Nếu chính phủ muốn duy trì một tỷ lệ thất nghiệp thấp thì phải can thiệp để đẩy đường tổng cầu ra ngoài, như vậy làm cho mức giá cả tăng lên.

Lạm phát do cầu kéo

Khi xuất hiện một sự gia tăng đột biến từ phía cầu, sẽ xuất hiện một sự thiếu hụt về cung.

Lạm phát cầu kéo thường bắt nguồn do chính phủ mong muốn duy trì một mức thất nghiệp thấp hơn mức thất nghiệp tự nhiên, vì vậy làm dịch chuyển đường tổng cầu ra ngoài.

Khi tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn mức tự nhiên, mức sản lượng sẽ cao hơn mức tiềm năng, do đó đường tổng cung sẽ di chuyển vào, gây nên sự tăng giá

Các loại lạm phát khác

Lạm phát còn có thể xuất phát từ những nguyên nhân khác

Tình trạng kéo dài của thiên tai, dịch hoặ

Sự biến động tiêu cực của tỷ giá hối đoái

Sự khủng hoảng kéo dài của cơ cấu kinh tế xã hội



4. Các ảnh hưởng của lạm phát

- a. Tác động tới thu nhập thực tế
- b. Tác động tới quyền lợi của người đầu tư dài hạn
- c. Tác động tới sản xuất và lưu thông hàng hoá
- d. Tác động tới chế độ tiền tệ và tín dụng



5. Một số vấn đề khác trong lạm phát

a. Sự sụt giá của tiền giấy

b. Ổn định tiền tệ

c. Lạm phát với tư cách là công cụ chính sách



1. Chính sách hoạt động công khai



2. Chính sách tái chiết khấu



3. Chính sách dự trữ bắt buộc



4. Chính sách quản lý ngoại hối



5. Chính sách quản lý tỷ giá